

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21- 9 - 2017.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hoài.

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Thị Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa:
Bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lộ Thị Q - sinh năm 1997 (*Có mặt*);

Trú tại: Thôn V 01, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Kiều L - sinh năm 1985 (*Vắng mặt*);

Trú tại: Thôn V 01, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23/5/2017, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lộ Thị Q trình bày:

Chị và anh Kiều L tự nguyện chung sống từ năm 2011 tại nhà chị; đến ngày 19/6/2015 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã; anh L lại hay nhậu nhẹt về nhà kiếm có chửi bới, đánh đập chị, không cùng chị chăm lo cho con. Nghĩ đến con và hạnh phúc gia đình nên chị đã bỏ qua rất nhiều lần, nhưng anh L vẫn không thay đổi. Do cuộc sống ở quê khó khăn, chị bàn với anh L và vào Đồng Nai làm thuê,

mục đích là để trang trải kinh tế và vợ chồng có thời gian suy nghĩ về nhau; anh L thì vẫn ở nhà chị làm nông, chăm sóc con. Nhưng không hiểu vì lý do gì từ tháng 6/2017 anh L bỏ con cho mẹ chị chăm sóc, tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa; không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Kiều Quang T - sinh ngày 21/12/2011 hiện do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về lời khai, lời trình bày của bị đơn anh Kiều L: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án số 59/TB-TLVA ngày 23/6/2017, trong đó nêu rõ việc chị Lộ Thị Q có yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, nhưng anh L không có ý kiến gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 18/7/2017, ông Kiều S là cha ruột của anh Kiều L cho biết: Anh L hiện đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình, còn cụ thể ở đâu và làm công việc gì thì ông không rõ. Cách đây khoảng hơn 02 tháng anh L có về lại nhà ông sinh sống. Mặc dù anh L không nói và ông cũng không hỏi nhưng ông biết giữa anh L và chị Q có mâu thuẫn nên anh L mới về lại nhà ông sinh sống. Vào cuối tháng 6/2017 ông nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án mà Tòa án gửi cho anh L, nên đã gọi điện báo cho anh L việc chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với anh L. Nghe vậy anh L nói đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q; đồng ý giao 01 con chung là Kiều Quang T cho chị Q nuôi; anh L không tới Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa. Theo ông biết thì anh L và chị Q không có tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý nhận tất cả các văn bản tố tụng, các giấy báo của Tòa án và đã thông báo cho anh L biết, nhưng anh L không tới Tòa là việc của anh L.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng dân sự giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị Lộ Thị Q khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Kiều L; yêu cầu giải quyết được nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (*Viết tắt: BLTTDS*), xác định yêu cầu khởi kiện của chị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam. Căn cứ Điều 195 BLTTDS, Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- *Sự vắng mặt của bị đơn:* Anh L đã được cấp, tổng đạt, thông báo triệu tập hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 175, Điều 177 BLTTDS nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, anh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không phải vì lý do bất khả kháng, hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2]. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh L là hợp pháp. Vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- *Về tình trạng hôn nhân:* Do anh L không tới Tòa án, nhưng đã biết được yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Q và không có ý kiến phản đối là tự tước bỏ quyền của mình được quy định tại khoản 3 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự khẳng định lời khai của chị Q, ông S và “Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân” ngày 23/6/2017 của UBND xã P, xác nhận “vợ chồng chung sống không hợp, thường xuyên cãi vã ... ly thân hơn một năm nay”. Đủ cơ sở chứng minh quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm mâu thuẫn. Anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân chị Q đến nay. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Q và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q yêu cầu được ly hôn anh L là có căn cứ chấp nhận. Từ phân tích đánh giá trên, nên đề nghị của Kiểm sát viên là hoàn toàn có cơ sở.

[3]. *Về con chung:* Chị Q và anh L có 01 con chung tên Kiều Quang T - sinh ngày 21/12/2011, hiện do chị Q nuôi dưỡng. Chị Q có nguyện vọng tiếp tục nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh L không trực tiếp nuôi con, căn cứ điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14: Chị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lộ Thị Q và anh Kiều L.

2/ Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Kiều Quang T - sinh ngày 21/12/2011 cho chị Lộ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Lộ Thị Q tự nguyện không yêu cầu anh Kiều L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Chị Lộ Thị Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010988 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã P
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Đỗ Thị Hòa

